

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.9. THỊ XÃ MỘC CHÂU

BIỂU SỐ 01: ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT TẠI CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG

Đơn vị: nghìn đồng /m²

Stt	Tên tuyến đường	Giá đất theo Quyết định 51/2024/QĐ-UBND					Quyết định của UBND tỉnh đã ban hành	Giá đất điều chỉnh				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	Đất ở tại đô thị											
1	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm hành chính mới (Quy hoạch 13,5m)	4.200	2.200	1.500	1.000	700	Điểm 4 Tiêu Mục XI Mục A1 Phần A Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND	4.400	2.200	1.500	1.000	700
2	Từ ngã ba tiểu khu Chiềng Di (tính từ thửa số 48, tờ bản đồ 77) đến hết thửa đất số 37, tờ bản đồ 10 (nhà Cúc Thắng), hướng đi tiểu khu Chiềng Di	1.000	600	500	300	200	Điểm 23 Tiêu Mục XIX Mục A1 Phần A Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND	1.760	800	600	400	300
3	Từ ngã ba tiểu khu Tiên Tiến (Tỉnh từ Thửa 54 tờ bản đồ 63) đến hết (thửa đất số 47 tờ bản đồ số 77) nhà Hoa Chuẩn	1.300	800	600	400	300	Điểm 4 Tiêu Mục XIX Mục A1 Phần A Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND	1.750	800	600	400	300
4	Từ thửa đất nhà ông Tuyển Thái (tiểu khu 70) đến giáp đất xã Vân Hồ	6.700	3.400	2.500	1.700	1.100	Điểm 7 Tiêu Mục VII Mục A2 Phần A Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND	8.075	4.000	3.000	2.000	1.100
5	Phường Mường Sang											
-	Từ đầu cầu Nà Ngà Quốc lộ 43 rẽ vào nghĩa trang nhân dân huyện Mộc Châu	380	280	200	180	140	Gạch đầu dòng thứ ba Điểm 1 Mục VI Phần B Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND	440	280	200	180	140
-	Từ Quốc lộ 43 theo đường vào bản Thái Hưng đến hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65	350	280	200	180	140	Gạch đầu dòng thứ năm Điểm 1 Mục VI Phần B Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND	410	280	200	180	140
-	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 40m đến đường vào Nhà văn hóa bản Sò Lườn	290	230	170	140	120	Gạch đầu dòng thứ sáu Điểm 1 Mục VI Phần B Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND	410	280	200	180	140
6	Phường Đông Sang											
-	Từ ngã ba sân vận động xã đến bản Búa	380	280	200	180	140	Gạch đầu dòng thứ ba Điểm 2 Mục VI Phần B Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND	430	280	200	180	140

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Phụ lục III**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.9. THỊ XÃ MỘC CHÂU
BIỂU SỐ 02: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT TẠI CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG**Đơn vị: nghìn đồng /m²

Stt	Tên tuyến đường	Giá đất bổ sung				
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ					
1	Phường Đông Sang					
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	350	280	200	180	140
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	400	300	250	200	150
2	Phường Mường Sang					
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	350	280	200	180	140
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	400	300	250	200	150
3	Phường Vân Sơn					
3.1	Đối với các tổ dân phố thuộc Thị trấn Nông trường Mộc Châu cũ					
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	800	400	300	200	100
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	1.400	700	500	300	200
3.2	Đối với các tổ dân phố thuộc xã Phiêng Luông cũ					
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	350	280	200	180	140
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	400	300	250	200	150
4	Từ ngã ba Quốc lộ 6 (Cổng chào Mộc Châu) đến ngã ba Chiềng Đi (đường quy hoạch 30m)	6.000	3.000	2.000	1.500	1.000
5	Từ ngã ba Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20m đến hết khu Tái định cư Chiềng Đi (đường quy hoạch 30m)	6.000	3.000	2.000	1.500	1.000
6	Tuyến đường nội thị (Quy hoạch 16,5 m) Khu tái định cư Chiềng Đi (Khu du lịch quốc gia Mộc Châu)	4.500	2.200	1.100	900	700

Bảng 5.9 Mộc Châu

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 13/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT TẠI BẢNG 5.9. THỊ XÃ MỘC CHÂU
BIỂU SỐ 03: ĐIỀU CHỈNH TÊN TUYẾN ĐƯỜNG (KHÔNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT)

Stt	Tên tuyến đường tại QĐ 51/2024/QĐ-UBND		Tên tuyến đường sau điều chỉnh	
A	Đất ở tại đô thị		A	Đất ở tại đô thị
1	Các tuyến đường nội thị khác			
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	Điểm 16 Tiêu Mục X Mục A1 Phần A Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND	-	Các đoạn đường khác còn lại có độ rộng từ 3,5m trở xuống (trừ các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m đã quy định giá đất)
-	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5m trở xuống	Điểm 24 Tiêu Mục XIX Mục A2 Phần A Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND		
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	Điểm 17 Tiêu Mục X Mục A1 Phần A Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND	-	Các đoạn đường khác còn lại có độ rộng trên 3,5m (trừ các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m đã quy định giá đất)
-	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5m	Điểm 25 Tiêu Mục XIX Mục A2 Phần A Phụ lục 04 QĐ 51/2024/QĐ-UBND		

Bảng 5.9 Mộc Châu